

# BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM ĐÒ KHOÁNG SẢN

## CÁT LÂM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TRÊN SÔNG MÃ TẠI XÃ CẨM VĂN VÀ XÃ QUÝ LỘC, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ...../GP-UBND ngày ...../202... của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Phụ lục II

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC		
Tên điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000, KT trục 105 độ, múi chiếu 3 độ	
	X (m)	Y (m)
1	2.220.925,44	558.820,59
2	2.220.748,27	558.799,18
3	2.220.642,09	558.826,19
4	2.220.534,97	558.796,55
5	2.220.297,40	558.937,25
6	2.220.094,13	559.100,74
7	2.220.137,78	559.173,41
8	2.220.343,79	559.009,51
9	2.220.606,05	558.924,29
10	2.220.862,92	558.878,43
11	2.220.966,19	558.835,16
Diện tích: 10,6 ha		



- CHỈ DẪN**
- Ranh giới địa chất
  - Bùn bãi
  - Đường giao thông
  - Điểm độ cao và giá trị (m)
  - Ranh giới hành chính
  - Sông, suối
  - Nhà cửa
  - Điểm góc khu vực thăm dò khoáng sản
  - Diện tích thăm dò khoáng sản

Được trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:10.000, kinh tuyến trục 105 độ, múi chiếu 3 độ, số hiệu tờ F-48-92-C-c-1 và F-48-92-C-c-2

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
LẬP BẢN ĐỒ

GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Thành Đạt

**TỶ LỆ 1:2.000**  
1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
ĐỀ NGHỊ CẤP GPĐT

GIÁM ĐỐC  
Lê Thị Huyền